

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/DS-ST

Ngày: 24-8-2018

V/v tranh chấp dân sự về
đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Bé Sáu;

Ông Phạm Thủy Nông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1970; Cư trú tại: ấp 1, xã An Bình B, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Lê Thành B, sinh năm 1960; Cư trú tại: ấp An Lợi, xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự.

Người đại diện theo pháp luật ông Trịnh Văn D – Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự.

Địa chỉ: khóm An Thạnh A, phường An Lộc, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp.

2/ Ông Trương Văn E, sinh năm 1971.

Đang công tác tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3/ Bà Phạm Thị Kim G, sinh 1954; Cư trú tại: ấp Phú Lợi A, xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018 nguyên đơn bà Huỳnh Thị A trình bày: Vào năm 2013 bà có cổ đất ông Lê Thành B diện tích 7.182m², thuộc thửa 552, 260, 261, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã An Bình B, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp do ông Lê Thành B đứng tên trong giấy đất. Sau đó ông B thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng nông nghiệp để vay số tiền 160.000.000đ và tiền lãi là 41.000.000đ, ông B không có khả năng trả nên Ngân hàng kê biên tài sản của ông B. Bà đồng ý mua lại tài sản kê biên của ông B với số tiền 201.000.000đ tại Ngân hàng. Trước đó ông B còn nợ bà Phạm Thị Kim G số tiền 20.000.000đ, theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 78/2012/QĐST-DS ngày 23/11/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, ông B trả cho bà G được 5.500.000đ, còn nợ lại 14.500.000đ nên bà có nộ thay cho ông B số tiền 14.500.000đ để thi hành án cho bà Phạm Thị Kim G để giải tỏa kê biên quyền sử dụng đất của ông B. Nay bà chỉ yêu cầu ông Lê Thành B trả cho bà số tiền 14.500.000đ, không yêu cầu tính tiền lãi. Hiện nay, bà không biết bà G ở đâu, bà có đến nhà bà G thì nhà đóng cửa không có ai ở nhà. Ngoài ra bà không yêu cầu ai khác trả nợ cho bà. Bà không yêu cầu bổ sung gì thêm.

- Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 27/3/2018 của bị đơn ông Lê Thành B trình bày: Ông có biết bà Huỳnh Thị A với lý do trước đây ông có cổ đất cho bà A. Nhưng việc bà A khởi kiện yêu cầu ông trả 14.500.000đ do bà A nộ tiền thi hành án thay cho ông là không có. Giữa ông với bà Huỳnh Thị A và bà Phạm Thị Kim G không có thỏa thuận nào về việc bà A nộ thay tiền thi hành án cho ông với số tiền 14.500.000đ. Nên ông không thống nhất trả số tiền 14.500.000đ theo yêu cầu của bà A.

Vào năm 2012 ông có nợ bà Phạm Thị Kim G số tiền 20.000.000đ nhưng ông và bà G đã thỏa thuận xong bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 78/2012/QĐST-DS ngày 23/11/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, ông đã trả cho bà G được số tiền 5.500.000đ, ông còn nợ lại bà G số tiền 14.500.000đ đến nay chưa trả xong, số tiền này là tiền ông nợ bà G chứ không liên quan gì đến bà Huỳnh Thị A. Nếu bà Thương thật sự đã nhận được số tiền 14.500.000đ mà bà Hiền đã nộ thay cho ông thì ông sẽ tự nguyện thống nhất tiếp tục trả cho bà A số tiền ông còn thiếu bà G là 14.500.000đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn E trình bày như sau:* Vào năm 2012, ông đang công tác tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự, chức danh: Chấp hành viên, ông được Chi cục trưởng chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự phân công tổ chức thi hành án Quyết định số 210/QĐ-CCTHADS, ngày 11/12/2012, đối với người được thi hành án là bà Phạm Thị Kim G, Địa chỉ: xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, Đồng Tháp. Người phải thi hành án là ông Lê Thành B, Địa chỉ: ấp An Lợi, xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp.

Các khoản phải thi hành án: ông B phải thi hành án cho bà Phạm Thị Kim G số tiền là 20.000.000đ và lãi suất chậm thi hành án. Quá trình tác động của thi hành án, ông B tự nguyện thi hành nhiều lần được số tiền 5.500.000đ, sau đó ông B không thi hành tiếp nữa. Ngày 03/12/2013, ông đến làm việc với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Thị xã Hồng Ngự, do ông Huỳnh Minh K làm đại diện, ông K cung cấp thông tin như sau: Ông Lê Thành B hiện nay đã và đang thế chấp quyền sử dụng đất vay vốn tại Ngân hàng với số tiền vốn là 160.000.000đ và số tiền lãi đến nay là 33.000.000đ (có biên bản kèm theo). Ngày 24/01/2014, Chi cục Thi hành án ban hành Quyết định cưỡng chế số: 20/QĐ-CCTHA ngày 24/01/2014, kê biên 7.182m² (kèm theo Quyết định cưỡng chế) và đồng thời cùng ngày ông có làm việc với ông B (Có biên bản làm việc kèm theo). Ngày 10/3/2014 bà Huỳnh Thị A có nộp thay cho ông B số tiền là 14.500.000đ (Có biên lai thu kèm theo, số biên lai 05380), để thi hành cho bà G.

Ngày 15/4/2014 Chi cục thi hành án đã chi số tiền 14.500.000đ cho Trần Hữu Thương N là con bà Phạm Thị Kim G, anh N được bà G ủy quyền nhận tiền. Như vậy, ông B đã thi hành án xong hoàn toàn số tiền 20.000.000đ theo Quyết định thi hành án số 210/QĐ-CCTHADS, ngày 11/12/2012.

Nhưng nay không biết vì lý do nào mà ông B không trả lại số tiền 14.500.000đ cho bà A. Nên nay ông có ý kiến đề nghị Tòa án buộc ông B phải trả lại cho bà A số tiền 14.500.000đ là phù hợp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự do ông Trịnh Văn D đại diện theo pháp luật có bản khai trình bày như sau:* Vào năm 2012, ông có phân công ông Trương Văn E là Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự tổ chức thi hành án Quyết định số 210/QĐ-CCTHADS, ngày 11/12/2012, đối với:

Người được thi hành án: Phạm Thị Kim G, Địa chỉ: xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, Đồng Tháp. Người phải thi hành án là ông Lê Thành B, Địa chỉ: ấp An Lợi, xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp.

Các khoản phải thi hành án: ông B phải thi hành án cho bà Phạm Thị Kim G số tiền là 20.000.000đ và lãi suất chậm thi hành án. Trong quá trình thi hành thì do Chấp hành viên làm việc với ông B và bà G, nên ông không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì đối với vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ bằng hình thức niêm yết, nhưng bà G không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gởi cho Tòa án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trương Văn E và người đại diện theo pháp luật của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự ông Trịnh Văn D vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Riêng bà Phạm Thị Kim G đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xét xử vắng mặt đương sự này. Vì vậy căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Huỳnh Thị A yêu cầu ông Lê Thành B trả cho bà số tiền 14.500.000đ, không yêu cầu tính tiền lãi. Xét thấy, số tiền 14.500.000đ không phải là tiền ông B thiếu bà A mà do ông B phải thi hành cho bà G số tiền 20.000.000đ theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 78/QĐST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2012, ông B đã trả được 5.500.000đ, còn lại 14.500.000đ. Ngoài ra, ông B có thiếu nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn vốn và lãi là 193.020.000đ. Ngày 24/01/2014, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự ban hành Quyết định cưỡng chế số: 20/QĐ-CCTHA ngày 24/01/2014, kê biên 7.182m², nhưng do đất ông Hải đã cố cho bà Huỳnh Thị A, nên ông B đồng ý chuyển nhượng phần đất của ông cho bà A để ông B có tiền thi hành cho Ngân hàng và bà G. Sau khi làm việc bà Huỳnh Thị A thống nhất nộp thay cho

ông B số tiền là 14.500.000đ (Có biên lai thu kèm theo, số biên lai 05380) để thi hành cho bà G. Ngày 15/4/2014 Chi cục thi hành án đã chi số tiền 14.500.000đ cho bà Phạm Thị Kim G. Như vậy, ông B đã thi hành án xong cho bà G toàn bộ số tiền 20.000.000đ theo Quyết định thi hành án số 210/QĐ-CCTHADS, ngày 11/12/2012 trong đó có 14.500.000đ do bà A nộp thay ông B. Mặc dù bà G không có ý kiến trình bày gởi cho Tòa án nhưng qua đối chiếu các tài liệu chứng cứ do Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã cung cấp như: Biên lai thu tiền Thi hành án, biên bản làm việc với ông B và bà A của Thi hành án có đủ căn cứ chứng minh bà A đã nộp thay cho ông B số tiền 14.500.000đ để thi hành cho bà G. Do đó, ông B phải có trách nhiệm trả lại cho bà A số tiền trên là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị A. Buộc ông Lê Thành B có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị A số tiền còn thiếu là 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 179, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị A.
2. Buộc ông Lê Thành B phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị A số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng).
3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

+ Ông Lê Thành B phải nộp 725.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự.

+ Bà Huỳnh Thị A không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 363.000đ theo biên lai số 02561 ngày 19/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Tâm